

Bản án số: 206/2023/DS-ST
Ngày 29 – 8 – 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực.

Ông Nguyễn Văn Hiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 480/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Cẩm H, sinh năm 1950. Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Tố N, sinh năm 1995. Địa chỉ cư trú: Khóm x, Phường y, thành phố C, tỉnh Cà Mau – văn bản ủy quyền ngày 30/6/2023 (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Trần Văn M, sinh năm 1961. Địa chỉ cư trú: Ấp T2, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Thái Thị B, sinh năm 1968. Địa chỉ cư trú: Ấp T2, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện của bà Trương Cẩm H, lời trình bày tại phiên tòa của chị Nguyễn Tố N, thể hiện:**

Trước đây, ông Trần Văn M, bà Thái Thị B vay tổng số tiền 279.100.000 đồng với lãi suất các lần vay từ 1,7% - 02%/ tháng thông qua hợp đồng mua bán hối. Cụ thể như sau:

- Ngày 30/01/2018 âm lịch vay số tiền 20.400.000 đồng, lãi suất 02%/tháng thông qua việc ông M, bà B mua 01 chung trong dây hối loại 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 30/01/2018 âm lịch, gồm 35 phần.

- Ngày 22/02/2018 âm lịch vay số tiền 20.400.000 đồng, lãi suất 02%/tháng thông qua việc ông M, bà B mua 01 chung trong dây hối 1.000.000 đồng/tháng, gồm 35 phần.

- Ngày 02/5/2018 âm lịch vay số tiền 20.400.000 đồng, lãi suất 02%/tháng thông qua việc ông M, bà B mua 01 chung trong dây hối 1.000.000 đồng/tháng, gồm 35 phần.

- Ngày 16/5/2018 âm lịch vay số tiền 20.400.000 đồng, lãi suất 02%/tháng thông qua việc ông M, bà B mua 01 chung trong dây hối 1.000.000 đồng/tháng, gồm 35 phần.

- Ngày 09/6/2018 âm lịch vay số tiền 10.300.000 đồng, lãi suất 1,91%/tháng thông qua việc ông M, bà B mua 01 chung trong dây hối 500.000 đồng/tháng, gồm 35 phần.

- Ngày 22/7/2018 âm lịch vay số tiền 20.400.000 đồng, lãi suất 02%/tháng thông qua việc ông M, bà B mua 01 chung trong dây hối 1.000.000 đồng/tháng, gồm 35 phần.

- Ngày 26/8/2018 âm lịch vay số tiền 102.000.000 đồng, lãi suất 1,96%/tháng thông qua việc ông M, bà B mua 01 chung trong dây hối 5.000.000 đồng/tháng, gồm 35 phần.

- Ngày 15/01/2019 âm lịch vay số tiền 20.400.000 đồng, lãi suất 02%/tháng thông qua việc ông M, bà B mua 01 chung trong dây hối 1.000.000 đồng/tháng, gồm 35 phần.

- Ngày 22/6/2019 âm lịch vay số tiền 23.400.000 đồng, lãi suất 1,71%/tháng thông qua việc ông M, bà B mua 01 chung trong dây hối 1.000.000 đồng/tháng, gồm 40 phần.

- Ngày 06/9/2019 âm lịch vay số tiền 21.000.000 đồng, lãi suất 1,9%/tháng thông qua việc ông M, bà B mua 01 chung trong dây hối 1.000.000 đồng/tháng, gồm 36 phần.

Như vậy tổng số tiền ông M, bà B đã vay là 279.100.000 đồng nhưng sau khi nhận tiền, ông M, bà B không thực hiện theo thỏa thuận; mặc dù đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông M, bà B chỉ hứa hẹn mà không thực hiện. Do vậy, bà H yêu cầu ông M, bà B trả lại số tiền vốn nêu trên và số tiền lãi là 267.646.780 đồng (theo mức 20%/năm tương đương 1,66%/tháng). Cụ thể:

- Số tiền ngày 30/01/2018 âm lịch (nhằm ngày 17/3/2018 dương lịch), lãi suất từ 17/3/2018 – 17/8/2023 là: 20.400.000 đồng x 1,66%/tháng x 65 tháng = 22.011.600 đồng.

- Số tiền ngày 22/02/2018 âm lịch (nhằm ngày 07/4/2018 dương lịch), lãi suất từ ngày 07/4/2018 – 07/8/2023 là: 20.400.000 đồng x 1,66%/tháng x 64 tháng = 21.672.960 đồng.

- Số tiền ngày 02/5/2018 âm lịch (nhằm ngày 15/6/2018 dương lịch), lãi suất từ ngày 15/6/2018 -15/8/2023 là: 20.400.000 đồng x 1,66%/tháng x 62 tháng = 20.995.680 đồng.

- Số tiền ngày 16/5/2018 âm lịch (nhằm ngày 29/6/2018 dương lịch), lãi suất từ ngày 29/6/2018 – 29/8/2023 là: 20.400.000 đồng x 1,66%/tháng x 62 tháng = 20.995.680 đồng.

- Số tiền ngày 09/6/2018 âm lịch (nhằm ngày 21/7/2018 dương lịch), lãi suất từ ngày 21/7/2018 – 21/8/2023 là: 10.300.000 đồng x 1,66%/tháng x 61 tháng = 10.429.780 đồng.

- Số tiền ngày 22/7/2018 âm lịch (nhằm ngày 01/9/2018 dương lịch), lãi suất từ ngày 01/9/2018 – 01/8/2023 là: 20.400.000 đồng x 1,66%/tháng x 59 tháng = 19.979.760 đồng.

- Số tiền ngày 26/8/2018 âm lịch (nhằm ngày 05/10/2018 dương lịch), lãi suất từ ngày 05/10/2018 – 05/8/2023 là: 102.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 58 tháng = 98.205.600 đồng.

- Số tiền ngày 15/01/2019 âm lịch (nhằm ngày 19/02/2019 dương lịch), lãi suất từ ngày 19/02/2019 – 19/8/2023 là: 20.400.000 đồng x 1,66%/tháng x 54 tháng = 18.286.560 đồng.

- Số tiền ngày 22/6/2019 âm lịch (nhằm ngày 24/7/2019 dương lịch), lãi suất từ ngày 24/7/2019 – 24/8/2023 là: 23.400.000 đồng x 1,66%/tháng x 49 tháng = 19.033.560 đồng.

- Số tiền ngày 06/9/2019 âm lịch (nhằm ngày 04/10/2019 dương lịch), lãi suất từ ngày 04/10/2019 – 04/8/2023 là: 21.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 46 tháng = 16.035.600 đồng.

* Đối với ông Trần Văn M, bà Thái Thị B: Khi được tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng đều xác định đã trả xong các khoản tiền vay của bà H nhưng các đương sự này không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trần Văn M, bà Thái Thị B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b

khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật: Bà Trương Cẩm H khởi kiện yêu cầu ông M, bà B trả lại các khoản tiền vay thông qua các hợp đồng mua bán hui nên nên quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo các hợp đồng mua bán hui vào các ngày 30/01/2018 âm lịch, 22/02/2018 âm lịch, 02/5/2018 âm lịch, 16/5/2018 âm lịch, 09/6/2018 âm lịch, 22/7/2018 âm lịch, 26/8/2018 âm lịch, 15/01/2019 âm lịch, 22/6/2019 âm lịch và 06/9/2019 âm lịch do bà H cung cấp, thể hiện: Ông M, bà B đã nhận của bà H với tổng số tiền 279.100.000 đồng. Mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông M, bà B không có ý kiến phản đối về nội dung bà H khởi kiện nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Quá trình tổng đạt các văn bản tố tụng, ông M, bà B xác định đã trả xong các khoản tiền cho bà H nên không đồng ý nhận các văn bản này.

Xét thấy, theo quy định của pháp luật, nghĩa vụ chứng minh chứng cứ thuộc về các đương sự và trong trường hợp này, nghĩa vụ chứng minh việc đã trả nợ thuộc về ông M, bà B. Việc ông M, bà B xác định đã trả xong các khoản tiền vay nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là hợp pháp nên không có cơ sở chấp nhận ý kiến của ông M, bà B về nội dung này; do đó ông M, bà B vẫn phải thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền đã vay của bà H là phù hợp.

[5] Xét yêu cầu của bà H về việc tính lãi suất theo mức 20%/năm (tương đương với 1,66%/tháng) đối với các khoản tiền vay thấy rằng:

Theo bà H xác định mức lãi suất các lần cho vay dao động từ 1,7% - 02%/tháng đã vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên phần lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Do vậy, bà H yêu cầu ông M, bà B phải chịu mức lãi suất 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng) đối với các khoản tiền đã vay là phù hợp nên chấp nhận. Cụ thể như sau:

- Số tiền ngày 30/01/2018 âm lịch (nhằm ngày 17/3/2018 dương lịch), lãi suất từ 17/3/2018 – 17/8/2023 là: $20.400.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 65 \text{ tháng} = 22.011.600 \text{ đồng}$.

- Số tiền ngày 22/02/2018 âm lịch (nhằm ngày 07/4/2018 dương lịch), lãi suất từ ngày 07/4/2018 – 07/8/2023 là: $20.400.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 64 \text{ tháng} = 21.672.960 \text{ đồng}$.

- Số tiền ngày 02/5/2018 âm lịch (nhằm ngày 15/6/2018 dương lịch), lãi suất từ ngày 15/6/2018 -15/8/2023 là: $20.400.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 62 \text{ tháng} = 20.995.680 \text{ đồng}$.

- Số tiền ngày 16/5/2018 âm lịch (nhằm ngày 29/6/2018 dương lịch), lãi suất từ ngày 29/6/2018 – 29/8/2023 là: 20.400.000 đồng x 1,66%/tháng x 62 tháng = 20.995.680 đồng.

- Số tiền ngày 09/6/2018 âm lịch (nhằm ngày 21/7/2018 dương lịch), lãi suất từ ngày 21/7/2018 – 21/8/2023 là: 10.300.000 đồng x 1,66%/tháng x 61 tháng = 10.429.780 đồng.

- Số tiền ngày 22/7/2018 âm lịch (nhằm ngày 01/9/2018 dương lịch), lãi suất từ ngày 01/9/2018 – 01/8/2023 là: 20.400.000 đồng x 1,66%/tháng x 59 tháng = 19.979.760 đồng.

- Số tiền ngày 26/8/2018 âm lịch (nhằm ngày 05/10/2018 dương lịch), lãi suất từ ngày 05/10/2018 – 05/8/2023 là: 102.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 58 tháng = 98.205.600 đồng.

- Số tiền ngày 15/01/2019 âm lịch (nhằm ngày 19/02/2019 dương lịch), lãi suất từ ngày 19/02/2019 – 19/8/2023 là: 20.400.000 đồng x 1,66%/tháng x 54 tháng = 18.286.560 đồng.

- Số tiền ngày 22/6/2019 âm lịch (nhằm ngày 24/7/2019 dương lịch), lãi suất từ ngày 24/7/2019 – 24/8/2023 là: 23.400.000 đồng x 1,66%/tháng x 49 tháng = 19.033.560 đồng.

- Số tiền ngày 06/9/2019 âm lịch (nhằm ngày 04/10/2019 dương lịch), lãi suất từ ngày 04/10/2019 – 04/8/2023 là: 21.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 46 tháng = 16.035.600 đồng.

[6] Do vậy, việc bà H yêu cầu ông M, bà B trả tổng số tiền vốn lãi 546.746.780 đồng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông M, bà B phải chịu là: 20.000.000 đồng + 146.746.780 đồng x 4% = 25.869.871 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463 và 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Cẩm H.

Buộc ông Trần Văn M, bà Thái Thị B trả cho bà H tổng số tiền là 546.746.780 đồng (năm trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm bốn sáu nghìn bảy trăm tám mươi đồng. Trong đó, tiền vốn 279.100.000 đồng, tiền lãi 267.646.780 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà H cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả, thì hàng tháng ông M, bà B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Trần Văn M, bà Thái Thị B phải chịu 25.869.871 đồng (hai mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm bảy mươi một đồng) (chưa nộp).

- Bà Trương Cẩm H không phải chịu (thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn